

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày: 17-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lãng Đức Quang
Ông Nguyễn Hồng Diên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng, Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Ma Văn N, sinh năm 1970 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; CCCD số 002070004198, cấp ngày 21/9/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C4; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 0/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ma Văn V và bà Ma Thị K; Có vợ là Dương Thị H, sinh năm 1974 (chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật), có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/04/1998, bị Chủ tịch UBND tỉnh H quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong); Ngày 08/9/2009, bị Công an huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền, số tiền 100.000 đồng theo Quyết định số 00610 (đã chấp hành xong); Ngày 09/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số: 44/2018/HS-ST (chấp hành xong ngày 26/08/2019), hiện đã được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

- Bị hại: Bà Trương Thị P, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Ma Văn C1, sinh năm 1983. Vắng mặt không có lý do

+ Ông Ma Văn C2, sinh năm 1994. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Ma Văn S, sinh năm 1958. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Ma Văn T, sinh năm 1997. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Dương Thị H, sinh năm 1974. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2020, Ma Văn N, sinh năm 1970, trú tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang quen biết và có tình cảm với chị Trương Thị P, sinh năm 1970, trú tại thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên cả hai thường xuyên qua lại và liên lạc với nhau. Ngày 09/02/2021, N đi xe ô tô đến nhà Trương Thị Phan c và ăn tết tại đó, đến ngày 13/02/2021, N rủ P về nhà N tại thôn L, xã B, huyện B chơi, P đồng ý và đưa xe mô tô BKS 22B2 - 271.50 nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu sơn đỏ đen cho N điều khiển chở P về nhà N, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, N đưa Phan vào nhà nghỉ T1 thuộc thôn L, xã B, huyện B rồi hai người thuê nhà nghỉ tại đó, đến sáng ngày 14/02/2021, N hỏi mượn xe mô tô của Phan đi đón cháu nội là Ma Thị C3, sinh năm 2020, trú cùng thôn đến chơi và được P đồng ý, sau đó N đón C3 qua chơi với N và Phan tại nhà nghỉ Thủy Lâm V1, đến chiều cùng ngày thì đưa C3 về nhà. Khoảng 07 giờ sáng ngày 15/02/2021, N lại hỏi mượn xe mô tô của P để đi đón C3, do tin tưởng nên P đồng ý cho N mượn xe. Khi đến nơi, N vào đón cháu C3 nhưng C3 không đi nên N một mình đến nhà anh trai là Ma Văn S, trú cùng thôn chơi và ăn cơm trưa. Sau khi ăn cơm xong, N nảy sinh ý định lấy xe mô tô mượn của Phan đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 15 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô BKS 22B2 - 271.50 đến nhà anh Hoàng Văn C, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã B, huyện B và nói với C là gia đình có việc gấp cần tiền nên cho N cầm cố chiếc xe mô tô BKS 22B2 - 271.50 mấy hôm, sẽ trả. Vì cùng là hàng xóm quen biết nhau nên C đồng ý cho N cầm cố xe mô tô trên với số tiền 13.000.000^d (mười ba triệu) và C cho N mượn xe mô tô cũ của C để đi về ngày hôm sau N đã trả lại cho C chiếc xe trên. Sau khi lấy được tiền, N điều khiển xe mô tô đi về nhà nghỉ Thủy L mà P đang đợi ở đó, về đến nơi, thấy N đi xe mô tô khác về mà không phải xe của mình, Phan hỏi N1 “xe của em đâu mà lại đi xe này về”, N1 nói “xe của em anh mượn cầm mấy hôm, qua tết anh đi làm thuê có tiền, anh đi chuộc về trả”, Phan hỏi N1 cầm xe ở đâu, bao nhiêu tiền thì N1 trả lời cầm xe ở nhà C được 5.000.000^d (năm triệu), nghe xong, Phan bảo Nghị chở Phan ra trung tâm huyện B để rút tiền về chuộc xe. Sau khi Phan rút được 5.000.000^d (năm triệu), N1 lại nói cầm xe 10.000.000^d (mười triệu). Do không đủ tiền nên P bảo N1 đưa vào nhà C lấy giấy đăng ký xe mô

tô và chìa khóa nhà trong cốp xe rồi cả hai đi về nhà nghỉ T1, đến sáng ngày 17/02/2021, Trương Thị Phan bắt xe khách về nhà tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang, sau đó cả hai không liên lạc gì với nhau. Đến tháng 6/2021, do lâu không thấy N1 trả xe mô tô nên Phan đi tìm gặp N1 và yêu cầu N1 chuộc xe mô tô trả cho P, nhưng N1 khất nhiều lần với lí do không có khả năng chuộc lại xe mô tô, ngày 12/12/2022, P tiếp tục liên lạc với N1 nhưng không được nên đã gửi đơn đến Công an huyện B để trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận đơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã mời N1 đến làm việc, tại Cơ quan điều tra, N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi mượn xe mô tô của P sau đó tự ý lấy xe đi cầm cố khi chưa có sự đồng ý của P, sau khi lấy được tiền, N1 đã chi tiêu cá nhân hết và không có khả năng chuộc lại xe để trả lại cho P. Sau khi làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, N1 về nhà và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, cơ quan điều tra đã nhiều lần xác minh nhưng không xác định được N1 đi đâu, làm gì. Đến ngày 17/3/2023, khi biết được thông tin N1 đang có mặt tại thôn L, xã B, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra lệnh bắt tạm giam để điều tra theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 51, đề nghị Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện B định giá: 01 (một) xe mô tô BKS 22B2 - 271.50, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu sơn đỏ đen, số máy: JC76E0314350, số khung 7638JZ010147 (xe cũ đã qua sử dụng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52/KL - HĐĐGTS, ngày 18/12/2022 của Hội đồng định tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 (một) xe mô tô BKS 22B2 - 271.50, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu sơn đỏ đen, số máy: JC76E0314350, số khung 7638JZ010147 (xe cũ đã qua sử dụng) có trị giá 23.000.000^d (hai mươi ba triệu).

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 43/CT-VKSBQ ngày 07/6/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Ma Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Ma Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, Điều 38, Điều 50, đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Ma Văn N từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 17/3/2023).

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại Trương Thị P đã được nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô BKS BKS 22B2 - 271.50, nay bị hại không có yêu cầu nào khác, nên đề nghị không xem xét.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, quá trình điều tra cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn C yêu cầu bị cáo Ma Văn N phải trả lại số tiền 18.000.000^d (mười tám triệu). Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho anh C số tiền nêu trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc trả lại số tiền nêu trên cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô BKS 22B2 - 271.50, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu sơn đỏ đen, số máy: JC76E0314350, số khung 7638JZ010147 (xe cũ đã qua sử dụng) được xác định là tài sản của chị Trương Thị P, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tài sản trên cho chị Trương Thị P theo biên bản về việc trao trả tài sản đồ vật, tài liệu ngày 08/5/2023. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị không xem xét.

Phản tranh luận, bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt của Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện B, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, nhưng họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt, một người làm chứng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng của họ không làm ảnh hưởng đến nội dung của vụ án. Căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Ma Văn N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản bắt bị can để tạm giam, bản ảnh vật chứng, biên bản giao nhận tài liệu đồ vật, giữ tài liệu điện tử ngày 04/5/2023; Kết luận định giá tài sản số: 52/KL-HĐĐGTS ngày 18/12/2023 của Hội Đồng ĐGTSTTTHS, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định, ngày 15 tháng 02 năm 2021, bị cáo Ma Văn N đã có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô của chị

Trương Thị Phan t tại thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, giá trị tài sản là 23.000.000^d (hai mươi ba triệu đồng). Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Ma Văn N thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì không tu trí làm ăn, lười lao động, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người thân quen để chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền nhằm mục đích cho việc chi tiêu của cá nhân. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và đề răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản bị cáo lạm dụng để chiếm đoạt có giá trị là 23.000.000^d (hai mươi ba triệu đồng) đã được trả lại cho bị hại, cho thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại đoạn s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể ngày 02/04/1998, bị Chủ tịch UBND tỉnh H quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong); Ngày 08/9/2009, bị Công an huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền, số tiền 100.000 đồng theo Quyết định số 00610 (đã chấp hành xong); Ngày 09/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số: 44/2018/HS-ST (chấp hành xong ngày 26/08/2019), hiện đã được xóa án tích

[6] Từ những phân tích trên cho thấy bị cáo có lối sống coi thường kỷ cương của xã hội, pháp luật của Nhà nước. Do đó Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra bị hại đã được nhận lại được chiếc xe mô tô, nay bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn C về phân trách nhiệm dân sự là người cho bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô BKS 22B2 - 271.50 với số tiền 13.000.000^d (mười ba triệu đồng). Khi bị cáo đến cầm cố chiếc xe mô tô, do không biết chiếc xe mô tô là tài sản của người khác nên anh C đã bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 15.000.000^d (mười lăm triệu đồng). Sau khi bị cáo Ma Văn N bị khởi tố, anh Hoàng Văn C đã tìm và chuộc lại chiếc xe mô tô trên với giá 18.000.000^d (mười tám triệu đồng) và đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Do đó yêu cầu của anh C đề nghị giải quyết buộc bị cáo Ma Văn N phải trả lại số tiền 18.000.000^d (mười tám triệu đồng) là có cơ sở cần được chấp nhận. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho anh C số tiền nêu trên, nên cần áp dụng các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật Dân sự cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc trả lại số tiền nêu trên cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn C

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô BKS 22B2 - 271.50, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu sơn đỏ đen, số máy: JC76E0314350, số khung 7638JZ010147 (xe cũ đã qua sử dụng) được xác định là tài sản của chị Trương Thị P, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tài sản trên cho chị Trương Thị P theo biên bản về việc trao trả tài sản đồ vật, tài liệu ngày 08/5/2023 và khi nhận lại tài sản thấy không bị hư hỏng nên bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không đề cập xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định. Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Ma Văn N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 175, Điều 38, Điều 50, đoạn 1 điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23, khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ma Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ma Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giam (ngày 17/3/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Ma Văn N có trách nhiệm trả lại cho anh Hoàng Văn C, sinh năm 1990; trú tại: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền là 18.000.000^d (mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Ma Văn N phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng). Tổng cộng số án phí bị cáo Ma Văn N phải chịu là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang
- UBND xã Bằng Hành,
Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Lưu: HSPA, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung